

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I / NĂM 2016

(Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016)

Gồm các biểu:

- | | |
|---|-------------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán | (Mẫu số B 01-DN) |
| 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | (Mẫu số B 02-DN) |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | (Mẫu số B 03-DN) |
| 4. Thuyết minh BCTC | (Mẫu số B 09a-DN) |



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		785,809,953,513	710,384,617,439
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		595,278,230	151,284,813,911
1. Tiền	111	V.01	595,278,230	151,284,813,911
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		772,614,616,496	546,379,735,361
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	149,608,888,798	73,374,007,663
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	554,888,452,277	404,888,452,277
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		22,885,000,000	22,885,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	46,389,847,588	46,389,847,588
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1,157,572,167)	(1,157,572,167)
IV. Hàng tồn kho	140		1,024,689,000	1,024,689,000
1. Hàng tồn kho	141	V.05	1,024,689,000	1,024,689,000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,575,369,787	11,695,379,167
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11,575,369,787	11,695,379,167
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		370,036,090,194	370,036,090,194
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		146,000,000	146,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	146,000,000	146,000,000
II. Tài sản cố định	220		109,351,200,643	109,351,200,643
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	3,999,000,643	3,999,000,643
- Nguyên giá	222		8,902,446,358	8,902,446,358
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,903,445,715)	(4,903,445,715)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	105,352,200,000	105,352,200,000
- Nguyên giá	228		105,352,200,000	105,352,200,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22,013,098,283	22,013,098,283
2. Chi phí xây dựng dở dang	242		22,013,098,283	22,013,098,283
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	238,525,791,268	238,525,791,268
1. Đầu tư vào công ty con	251		238,525,791,268	238,525,791,268
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,155,846,043,707	1,080,420,707,633

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2016

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		193,233,271,976	119,967,863,255
I. Nợ ngắn hạn	310		129,053,344,703	55,787,935,982
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09a	114,402,390,028	41,386,072,085
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	7,981,019,553	7,981,019,553
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	4,061,742,110	3,912,651,332
4. Phải trả người lao động	314		160,000,000	60,000,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải thu nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	2,387,633,360	2,387,633,360
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		60,559,652	60,559,652
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		64,179,927,273	64,179,927,273
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.09b	62,921,927,273	62,921,927,273
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	V.21	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		1,258,000,000	1,258,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		962,612,771,730	960,452,844,378
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	962,612,771,730	960,452,844,378
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		934,273,578,000	934,273,578,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		934,273,578,000	934,273,578,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		849,189,834	849,189,834

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

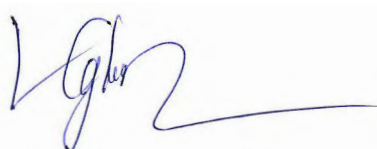
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kê từ đầu năm đến quý này năm nay	Lũy kê từ đầu năm đến quý này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	69,304,437,395	18,457,344,614	69,304,437,395	18,457,344,614
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69,304,437,395	18,457,344,614	69,304,437,395	18,457,344,614
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	68,104,343,595	17,570,538,010	68,104,343,595	17,570,538,010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,200,093,800	886,806,604	1,200,093,800	886,806,604
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	838,000,000	46,675,185,537	838,000,000	46,675,185,537
7. Chi phí tài chính	22	VI.04		45,885,000,000		45,885,000,000
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25		65,982,365	27,350,409	65,982,365	27,350,409
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		625,821,536	895,757,534	625,821,536	895,757,534
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,346,289,899	753,884,198	1,346,289,899	753,884,198
11. Thu nhập khác	31	VI.05				
12. Chi phí khác	32	VI.06				
13. Lợi nhuận khác	40		0		0	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,346,289,899	753,884,198	1,346,289,899	753,884,198
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.07	269,257,980	165,854,524	269,257,980	165,854,524
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,077,031,919	588,029,674	1,077,031,919	588,029,674
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08				
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ TUYẾT

Kế toán trưởng



VŨ THỊ DIỆU



PHẠM THỊ HINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý I/2016	Quý I/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.Lợi nhuận trước thuế	01	1,346,289,899	753,884,198
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	0	381,743,673
- Các khoản dự phòng	03	0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	0	(790,185,537)
- Chi phí lãi vay	06	0	0
3.Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	1,346,289,899	345,442,334
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(78,923,583,113)	34,673,915,105
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	0	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thu nhập phải nộp)	11	(73,950,242,467)	(43,156,976,667)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	0	(700.000,000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	0	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	0	(541,405,414)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	0	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(151,527,535,681)	(9,379,024,642)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42,430,272,727)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	5,000.000,000
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	46,673,300,000
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	838,000,000	1,885,537
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	838,000,000	9,244,912,810
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33	0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	(150,689,535,681)	(134,111,832)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	151,284,813,911	4,730,869,903
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	595,278,230	4,596,758,071

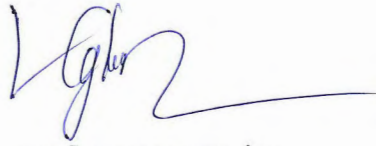
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập biên



NGUYỄN THỊ TUYẾT

Kế toán trưởng



VŨ THỊ DIỆU



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 04 năm 2010. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, kinh doanh kim loại và các quặng kim loại

Trụ sở chính của Công ty: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty: 934.273.600.000 VND

2. Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác, kinh doanh kim loại và các quặng kim loại

3. Ngành, nghề kinh doanh :

STT	Tên ngành nghề
1	- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
2	- Khai thác cát đá, sỏi, đất sét;
3	- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
4	- Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí và các sản phẩm liên quan
5	- Cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dùng hữu hình;
6	- Gia công cơ khí, xử lý và tráng kim loại;
7	- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
8	- Nhà hàng và các dịch vụ phục vụ ăn uống lưu động;
9	- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
10	- Bán buôn thực phẩm
11	- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

4. Thông tin về các công ty con

STT	Tên Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty TNHH Năng lượng xanh KSA	90%	90%
2	Công ty TNHH MTV Công nghiệp khoáng sản Bình Thuận BTC	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	100%	100%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Tại thời điểm 30/6/2015, Công ty đánh giá không có khoản công nợ phải thu nào cần phải trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
Các tài sản khác	03 - 05 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự phòng tổn} \\ \text{thất các khoản đầu tư} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại tổ} \\ \text{chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{cổ} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

Thuế suất thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2015 là 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Y
I
i

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

*Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Tại 31/03/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
01. Tiền		
- Tiền mặt	529,386,110	9,681,377,071
- Tiền gửi ngân hàng	65,892,120	141,603,436,840
Cộng	595,278,230	151,284,813,911
02. Phải thu khách hàng	<i>Tại 31/03/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
<i>a, Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>65,296,466,169</i>	<i>33,868,466,885</i>
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải Suri Nguyễn	0	0
- Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Thiên Nam Sơn	0	0
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	28,941,000,000	28,941,000,000
- Khách hàng khác	36,355,466,169	4,927,466,885
<i>b, Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>c, Phải thu của khách hàng là bên liên quan</i>	<i>84,312,422,629</i>	<i>39,505,540,778</i>
- Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	84,312,422,629	39,505,540,778
Cộng	149,608,888,798	73,374,007,663
03. Trả trước cho người bán	<i>Tại 31/03/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
<i>a, Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>538,888,452,277</i>	<i>388,888,452,277</i>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ	80,400,000,000	80,400,000,000
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Ngôi nhà đầu tiên	80,000,000,000	80,000,000,000
- Công ty TNHH Hạnh Vân	70,000,000,000	70,000,000,000
- CTY TNHH TƯ VẤN - TK - XD - KT - PHÚ HÒA	150,000,000,000	150,000,000,000
- KEEN STEP SHIPPING LTD	2,145,000,000	2,145,000,000
- Các đối tượng khác	156,343,452,277	6,343,452,277
<i>b, Trả trước cho người bán dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>c, Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	<i>16,000,000,000</i>	<i>16,000,000,000</i>
- CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG XANH KSA	16,000,000,000	16,000,000,000
Cộng	554,888,452,277	404,888,452,277

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>		
Số dư đầu quý	8,902,446,358	8,902,446,358
Số dư cuối quý	8,902,446,358	8,902,446,358
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư đầu quý	8,902,446,358	8,902,446,358
- Khấu hao trong năm	8,902,446,358	8,902,446,358
Số dư cuối quý	8,902,446,358	8,902,446,358

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

*Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016***III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH**

- Tại ngày đầu quý	4,492,268,221	4,492,268,221
- Tại ngày cuối quý	3,999,000,643	3,999,000,643

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu quý	105,352,200,000	105,352,200,000
- Mua trong quý		
Số dư cuối quý	105,352,200,000	105,352,200,000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu quý	0	0
Số dư cuối quý	0	0
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
- Tại ngày đầu quý	105,352,200,000	105,352,200,000
- Tại ngày cuối quý	105,352,200,000	105,352,200,000

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại 31/03/2016	Tại 01/01/2016
- Nhà máy xi Titan	2.773.699.500	2.773.699.500
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	19.239.398.783	19.239.398.783
Cộng	22.013.098.283	22.013.098.283

09. Đầu tư vào Công ty con

	Tại 31/03/2016	Tại 01/01/2016
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận BTC	174.104.379.725	174.104.379.725
- Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	33.614.295.178	33.614.295.178
- Công ty TNHH Năng lượng xanh KSA	30.807.116.365	30.807.116.365
Cộng	238.525.791.268	238.525.791.268

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 31/03/2016	Tại 01/01/2016
- Thuế GTGT	0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,967,336,366	2.815.271.191
- Thuế thu nhập cá nhân	963,856,382	963.856.382
- Các loại thuế khác	133,523,759	133.523.759
Cộng	4,064,716,507	3.912.651.332

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại 31/03/2016	Tại 01/01/2016
- Tài sản thừa chờ xử lý	0	0
- Công ty CP ĐT và PT CN Bảo Thụ	1.377.633.360	1.377.633.360
- Phải trả phải nộp khác	1.010.000.000	1.010.000.000
Cộng	2.387.633.360	2.387.633.360

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

*Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016***14. Vốn chủ sở hữu****a, Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu**

Nội dung	CÁC KHOẢN MỤC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU				
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	395,489,851,286	849,189,834	283,063,278	54,621,330,174	451,243,434,572
- Tăng vốn trong năm trước	33,973,150,000	0	0	0	33,973,150,000
- Lãi trong năm trước	2,919,705,223	0	0	0	2,919,705,223
- Giảm khác	(33,973,150,000)	0	0		(33,973,150,000)
Số dư đầu năm nay	398,409,556,509	849,189,834	283,063,278	54,621,330,174	454,163,139,795
- Tăng vốn trong năm nay	560,564,160,000	0	0	0	560,564,160,000
- Lãi trong năm nay	1,479,127,869	0	0	1,077,031,919	2,556,159,788
Số dư cuối năm nay	960,050,748,428	849,189,834	283,063,278	55,698,362,093	1,017,283,459,583

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

	Quý I/2016	Quý I/2015
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Quý I/2016</u>	<u>Quý I/2015</u>
<i>Doanh thu</i>	<u>69,304,437,395</u>	<u>18,457,344,614</u>
- Doanh thu cung cấp bán hàng	69,304,437,395	18,457,344,614
Cộng	<u>69,304,437,395</u>	<u>18,457,344,614</u>
02. Giá vốn hàng bán	<u>Quý I/2016</u>	<u>Quý I/2015</u>
- Giá vốn của hàng đã bán	68,104,343,595	17,570,538,010
Cộng	<u>68,104,343,595</u>	<u>17,570,538,010</u>
03. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Quý I/2016</u>	<u>Quý I/2015</u>
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	838,000,000	46,675,185,537
- Các khoản khác	0	
Cộng	<u>838,000,000</u>	<u>46,675,185,537</u>
04. Chi phí tài chính	<u>Quý I/2016</u>	<u>Quý I/2015</u>
- Lãi tiền vay	0	45,885,000,000
Cộng	<u>0</u>	<u>45,885,000,000</u>
05. Thu nhập khác	<u>Quý I/2016</u>	<u>Quý I/2015</u>
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	0	0
Cộng	<u>0</u>	<u>0</u>
06. Chi phí khác	<u>Quý I/2016</u>	<u>Quý I/2015</u>
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	0	0
- Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế	0	
- Các khoản khác	0	0
Cộng	<u>0</u>	<u>0</u>
07. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>Quý I/2016</u>	<u>Quý I/2015</u>
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	1,346,289,899	753,884,198
- Thu nhập miễn thuế	0	0
- Chi phí bị loại trừ khi tính thuế	0	
- Thu nhập chịu thuế	1,346,289,899	753,884,198
- Thuế TNDN phải nộp	296,183,778	165,854,524

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý I kết thúc ngày 31/03/2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Không

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ TUYẾT

Kế toán trưởng

VŨ THỊ DIỆU

